

Họ và tên thí sinh :.....SBD

Mã đề: 301

Câu 41: Nước ta có thể mở rộng giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới do vị trí

- A. nằm ở nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng.
- B. nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- C. nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động của thế giới.
- D. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế.

Câu 42: Tại sao lũ quét thường xảy ra ở miền núi?

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh, độ dốc lớn, mất lớp phủ thực vật, mưa lớn.
- B. Chặt phá rừng, khai thác rừng bừa bãi ở miền núi.
- C. Mất lớp phủ thực vật, mưa nhỏ kéo dài trong nhiều ngày.
- D. Địa hình có độ dốc lớn, nhiều nơi bị mất lớp phủ thực vật.

Câu 43: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc nên

- A. có nhiều tài nguyên khoáng sản.
- B. có nền nhiệt cao, chan hòa ánh nắng.
- C. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.
- D. khí hậu có hai mùa rõ rệt.

Câu 44: Biểu hiện nào sau đây thể hiện rõ nhất về sức ép của gia tăng dân số đến chất lượng cuộc sống?

- A. Cạn kiệt tài nguyên.
- B. Giảm tốc độ phát triển kinh tế.
- C. GDP bình quân đầu người thấp.
- D. Ô nhiễm môi trường.

Câu 45: Cơ sở cốt lõi nào tạo nên sự đa dạng hóa cây trồng ở miền đồi núi nước ta?

- A. Địa hình có sự phân bậc rõ ràng.
- B. Nguồn nước có sự phân mùa.
- C. Có nhiều loại đất feralit khác nhau.
- D. Sự phân hóa của khí hậu.

Câu 46: Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc là

- A. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- B. địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- C. được nâng cao ở hai đầu, thấp trũng ở giữa.
- D. gồm các khối núi và cao nguyên.

Câu 47: Hướng chủ yếu trong khai thác sinh vật biển ở nước ta hiện nay là

- A. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.
- B. tập trung đánh bắt ven bờ.
- C. tập trung tiêu dùng trong nước.
- D. sử dụng công cụ truyền thống.

Câu 48: Hệ sinh thái nào sau đây chiếm ưu thế nhất ở vùng ven biển nước ta hiện nay:

- A. Hệ sinh thái rừng trên đất pha cát ven biển.
- B. Hệ sinh thái rừng trên đảo và rạn san hô.
- C. Hệ sinh thái rừng trên đất phèn.
- D. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 49: Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho khí hậu nước ta phân hóa Bắc - Nam

- A. Lãnh thổ kéo dài theo Bắc - Nam.
- B. Nằm hoàn toàn vùng nội chí tuyến.
- C. Hoạt động của gió mùa khác nhau.
- D. Tiếp giáp với biển Đông rộng lớn.

Câu 50: Mục đích chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp ở các nước Đông Nam Á là

- A. khai thác hợp lý tài nguyên đất và khí hậu.
- B. giải quyết việc làm cho nguồn lao động đông đảo.

C. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

D. phục vụ nhu cầu xuất khẩu thu ngoại tệ

Câu 51: Khoáng sản nổi bật ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là

A. thiếc và khí tự nhiên.

B. dầu khí và bôxít.

C. vật liệu xây dựng và quặng sắt.

D. than đá và apatit.

Câu 52: Hiện nay, Đông Nam Á là khu vực có sức thu hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài do

A. môi trường chính trị - xã hội ổn định.

B. có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển kinh tế.

C. nguồn lao động đông, giá nhân công tương đối rẻ.

D. nguồn lao động kỹ thuật cao, tay nghề giỏi.

Câu 53: Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra)

A. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.

B. Nền nhiệt thiên về khí hậu xích đạo.

C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

D. Trong năm có 2 - 3 tháng nhiệt độ trung bình < 18°C.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào thuộc miền khí hậu phía Nam?

A. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.

B. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.

C. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.

D. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.

Câu 55: Sự phân hóa theo đai cao, đai nào sau đây **không** có ở nước ta?

A. Ôn đới gió mùa trên núi.

B. Cận nhiệt đới gió mùa trên núi.

C. Cận xích đạo gió mùa.

D. Nhiệt đới gió mùa.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2000 và năm 2007?

A. Tỉ trọng nông nghiệp tăng, lâm nghiệp và thủy sản giảm.

B. Tỉ trọng nông nghiệp giảm, lâm nghiệp và thủy sản tăng.

C. Tỉ trọng nông nghiệp tăng, lâm nghiệp và thủy sản tăng.

D. Tỉ trọng nông nghiệp và lâm nghiệp giảm, thủy sản tăng.

Câu 57: Sông ngòi ở Tây Nguyên và Nam Bộ lượng dòng chảy mùa cạn rất nhỏ vì

A. phần lớn sông ngòi ở đây đều nhận nước từ bên ngoài lãnh thổ.

B. có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.

C. sông chảy trên địa hình bằng phẳng lại đổ ra biển bằng nhiều chi lưu.

D. phần lớn sông có độ dốc lớn.

Câu 58: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm là hoạt động

A. thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.

B. liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.

C. liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm.

D. thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm.

Câu 59: Loại hình nào sau đây **không** khuyến khích phát triển mạnh ở khu bảo tồn thiên nhiên?

A. Phục vụ nghiên cứu khoa học.

B. Quản lí môi trường giáo dục.

C. Bảo vệ và duy trì các loài động thực vật.

D. Du lịch sinh thái.

Câu 60: Khí hậu đai ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta có đặc điểm

A. mùa hạ nóng nhiệt độ trung bình trên 25°C, mùa đông lạnh dưới 10°C.

B. mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm dưới 20°C.

C. lạnh lẽo quanh năm, không có tháng nào nhiệt độ trên 10°C.

D. quanh năm nhiệt độ dưới 15°C, mùa đông xuống dưới 5°C.

Câu 61: Tỷ lệ dân thành thị nước ta tăng chậm do

- A. mạng lưới đô thị phân bố chưa hợp lí. B. phần lớn dân cư sống ở nông thôn.
C. trình độ công nghiệp hóa còn thấp. D. cơ sở hạ tầng đô thị kém phát triển.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, ba đô thị có quy mô dân số lớn nhất nước ta là

- A. TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng. B. Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.
C. Hà Nội, Biên Hòa, TP. Hồ Chí Minh. D. Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

Câu 63: Trong giới sinh vật, các loại cây nào sau đây thuộc họ cây nhiệt đới ở nước ta?

- A. Đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam. B. Đậu, Vang, Dâu tằm, Dầu.
C. Dẻ, Dẻ, đỗ quyên, lãnh sam. D. Dẻ, Dẻ, Dâu tằm, Dầu.

Câu 64: Đối với đất ở miền núi phải bảo vệ bằng cách

- A. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.
B. tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất.
C. áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác nông - lâm.
D. nâng cao hiệu quả sử dụng, có chế độ canh tác hợp lí.

Câu 65: Ở nước ta 70 (%) số cơn bão trong toàn mùa bão thuộc về các tháng

- A. IX, X, VIII B. VI, VII, VIII C. V, VI, VII D. VII, VIII, IX

Câu 66: Theo kết quả Tổng điều tra dân số 2019, dân số Việt Nam đạt 96.208 nghìn người. Tính mật độ dân số, biết diện tích là 331.212 km².

- A. 295 người/ km². B. 290 người/ km². C. 280 người/ km². D. 285 người/ km².

Câu 67: Vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta hiện nay là

- A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Nguyên. C. Tây Bắc. D. Đông Nam Bộ.

Câu 68: Ý nào sau đây **không** đúng với chiến lược phát triển dân số hợp lí và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động của nước ta?

- A. Tiếp tục thực hiện các giải pháp kiểm chế tốc độ tăng dân số.
B. Đưa xuất khẩu lao động thành một chương trình lớn.
C. Xây dựng chính sách chuyển cư phù hợp.
D. Việc làm là vấn đề kinh tế-xã hội lớn ở nước ta hiện nay.

Câu 69: Đặc tính nào sau đây **không** đúng hoàn toàn với lao động nước ta?

- A. Cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất phong phú.
B. Có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao.
C. Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.
D. Có khả năng tiếp thu, vận dụng khoa học kĩ thuật nhanh.

Câu 70: Cho bảng số liệu sau:

Dân số và tỉ lệ tăng dân số nước ta qua các cuộc điều tra dân số

	1/4/1989	1/4/1999	1/4/2009	1/4/2019
Dân số (nghìn người)	64376	76323	85847	96209
Tỉ lệ tăng dân số (%)	2,10	1,70	1,18	1,14

Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện dân số và tỉ lệ gia tăng dân số nước ta là biểu đồ

- A. kết hợp. B. cột. C. miền. D. đường.

Câu 71: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có quy mô từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

- A. Quy Nhơn. B. Quảng Ngãi. C. Phan Thiết. D. Đà Nẵng.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia nào **không** nằm trên đảo?

- A. Phú Quốc B. Côn Đảo. C. Xuân Thủy. D. Cát Bà.

Câu 73: Đâu **không** phải là biện pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm ở nước ta?

- A. Phân chia lại ruộng đất, giao đất giao rừng cho nông dân.

- B. Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
- C. Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất.
- D. Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khoẻ sinh sản.

Câu 74: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Thái Bình.
- B. Sông Thu Bồn.
- C. Sông Mã.
- D. Sông Ba.

Câu 75: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, ngành công nghiệp nào sau đây **không** có trong cơ cấu ngành của trung tâm công nghiệp Thủ Dầu Một?

- A. Sản xuất vật liệu xây dựng
- B. Khai thác, chế biến lâm sản
- C. Hóa chất, phân bón.
- D. Chế biến nông sản

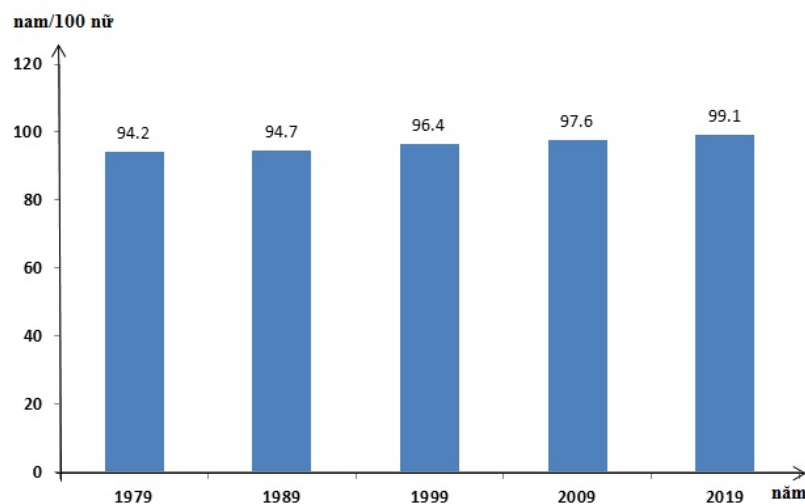
Câu 76: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết thành phố trực thuộc trung ương nào của nước ta **không** giáp biển?

- A. Hà Nội, Hải Phòng.
- B. Đà Nẵng, Cần Thơ.
- C. Cần Thơ, Hà Nội.
- D. Hải Phòng, Đà Nẵng.

Câu 77: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Lạng Sơn.
- B. Bắc Kạn.
- C. Hà Giang.
- D. Lào Cai.

Câu 78: Cho biểu đồ sau:



Tỉ số giới tính của dân số Việt Nam qua các cuộc điều tra dân số

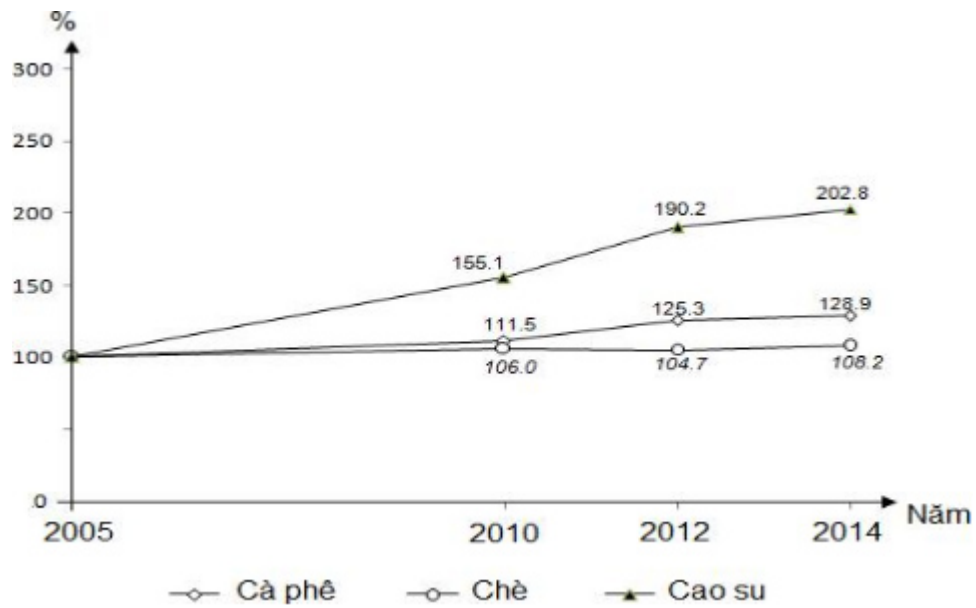
Nhận xét nào **không đúng** với biểu đồ trên?

- A. Tỉ số giới tính nước ta liên tục tăng.
- B. Chênh lệch giới tính có xu hướng giảm.
- C. Dân số nam luôn cao hơn dân số nữ.
- D. Tỉ số giới tính luôn ở mức dưới 100.

Câu 79: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 19, cho biết các vùng nào của nước ta có tỉ lệ diện tích trồng lúa so với tỉ lệ diện tích trồng cây lương thực thấp nhất (dưới 60%).

- A. Đồng bằng sông Cửu Long và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long và Bắc trung Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.
- D. Trung du, miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

Câu 80: Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện

- A. quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
- B. sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
- C. tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
- D. cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

----- HẾT -----

*Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.
Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

Ma de	Cau	Dap an
301	41	D
301	42	A
301	43	B
301	44	C
301	45	A
301	46	C
301	47	A
301	48	D
301	49	A
301	50	D
301	51	B
301	52	A
301	53	B
301	54	A
301	55	C
301	56	D
301	57	B
301	58	D
301	59	B
301	60	D
301	61	C
301	62	A
301	63	B
301	64	C
301	65	A
301	66	B
301	67	C
301	68	D
301	69	B
301	70	A
301	71	D
301	72	C
301	73	A
301	74	C
301	75	B
301	76	C
301	77	B
301	78	C
301	79	D

301	80	C
-----	----	---